

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2017

HG-SERIES

* Ui : 1,000V

* Ue : 690V

* Uimp : 8kV

* Ics : 100% Icu

Icu (kA) tại 220/240VAC đối với MCCB 2P

Icu (kA) tại 380/415VAC đối với MCCB 3P

Mã hàng	In(A)	Icu	Đơn giá(VND)
MCCB 2P - Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal)			
30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)			
HGM50E-F 2P	16-20-25-32-40-50A	35kA	560,000
HGM100E-F 2P	63-75-100A	35kA	700,000
HGM125E-F 2P	75-100-125A	50kA	830,000
HGM250E-F 2P	125~250A	50kA	1,455,000
HGM400E-F 2P	300/350/400A	50kA	3,500,000

MCCB 3P - Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal)			
30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)			
HGM50E-F 3P	16-20-25-32-40-50A	16kA	660,000
HGM50S-F 3P	16-20-25-32-40-50A	20kA	680,000
HGM50H-F 3P	16-20-25-32-40-50A	38kA	815,000
HGM100E-F 3P	63-75-100A	16kA	900,000
HGM100H-F 3P	63-75-100A	26kA	950,000
HGM100L-F 3P	63-75-100A	30kA	980,000
HGM125E-F 3P	75-100-125A	20kA	935,000
HGM125S-F 3P	75-100-125A	26kA	950,000
HGM125H-F 3P	75-100-125A	38kA	1,170,000
HGM250S-F 3P	125~250A	26kA	1,750,000
HGM250H-F 3P	125~250A	38kA	1,850,000
HGM250L-F 3P	125~250A	55kA	2,200,000
HGM400E 3P (*)	250A	45kA	4,150,000
HGM400S 3P (*)	250A	65kA	4,550,000
HGM400E-F 3P	300-350-400A	45kA	4,200,000
HGM400S-F 3P	300-350-400A	65kA	4,600,000
HGM400H-F 3P	300-350-400A	85kA	4,750,000
HGM630E-F 3P	500-630	45kA	8,700,000
HGM630S-F 3P	500-630	65kA	9,700,000
HGM630H-F 3P	500-630	85kA	9,900,000
HGM800S-F 3P	700-800A	65kA	9,600,000
HGM800H-F 3P	700-800A	85kA	10,200,000

MCCB 3P - Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal) và chỉnh dòng ngắn mạch INST (magnetic)			
HGP400S-H 3P	300-350-400A	85kA	6,720,000
HGP630S-H 3P	500-630A	85kA	12,800,000
HGP800S-H 3P	700-800A	85kA	14,500,000

(*) MCCB không chỉnh dòng

(**) Quý khách vui lòng liên hệ Nhà cung cấp



Mã hàng	In(A)	Icu	Đơn giá(VND)
APTOMAT- MCCB 2P			
UMB30RA 2P	15-20-30A	1.5kA	98,000
UDB30S 2P	10-15-20-30A	5kA	375,000
UDB50S 2P	40-50A	5kA	435,000
APTOMAT- MCCB 3P			
UDB30S 3P	10-15-20-30A	2.5kA	510,000
UDB50S 3P	40-50A	2.5kA	550,000

APTOMAT- MCCB 3P, Chỉnh dòng Electronic			
UPB400S 3P	200~400A	85kA	13,300,000
UPB630S 3P	320~630A	85kA	14,500,000
UCB1000S 3P	505~1000A	100kA	23,000,000
UCB1250S 3P	630~1250A	100kA	24,500,000
UCB1600S 3P	640~1600A	65kA	48,500,000

Phụ kiện HG -MCCB		
Aux. Switch	AUX 10GM C1 (HMG30~250)	250,000
	AUX 40GM (HMG400/ 800)	350,000
Alarm Switch	ALT 10GM (HMG30~250)	250,000
	ALT 40GM (HMG400/ 800)	350,000
Shunt Trip AC200~230V/380~415V	SHT 10GM (HMG30~250)	450,000
	SHT 40GM (HMG400/ 800)	690,000
Under Voltage Trip AC200~230V/380~415V	UVT 10GM (HMG30~250)	1,200,000
	UVT 40GM (HMG400/ 800)	1,200,000
Tay xoay (gắn trực tiếp)	TFG 10GM/ 12GM/ 25GM	500,000
	TFG 40GM/ 80GM	1,130,000
Tay xoay (loại nối dài)	TFH 10GM/ 12GM/ 25GM	650,000
	TFH 40GM/ 80GM	1,320,000
Motor (MOT)	MOT12GM/ 25GM (HGM125/250)	6,300,000
	MOT40GM (HGM400)	9,300,000
	MOT80GM (HGM630/800)	10,500,000
Tấm chắn pha	TQQ10GM3 (HGM100/125)	43,000
	TQQ25GM3 (HGM250)	55,000
	TQQ40GM3 (HGM400~800)	185,000
Bus bar	TBB25GM3S (HGM250)	290,000
	TBB40GM3S (HGM400)	750,000
	TBB80GM3S (HGM630/800)	1,650,000
Nắp đầu cực	TCF	(**)
Khoá (Padlock)	PLD	(**)

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2017

HG-SERIES**Hi-SERIES**

Mã hàng	In(A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MCCB 4P - Chỉnh dòng nhiệt (Adj. thermal)			
30 ~250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)			
HGM60E -F 4P	16~63A	16kA	1,050,000
HGM60S -F 4P	16~63A	20kA	1,250,000
HGM60H -F 4P	16~63A	26kA	1,350,000
HMG100S -F 4P	75-100A	20kA	1,350,000
HMG100H -F 4P	75-100A	26kA	1,400,000
HMG100L -F 4P	75-100A	30kA	1,500,000
HMG125E -F 4P	100-125A	20kA	1,850,000
HMG125H -F 4P	100-125A	38kA	1,900,000
HMG250E -F 4P	125~250A	20kA	2,750,000
HMG250S -F 4P	125~250A	26kA	2,850,000
HMG250H -F 4P	125~250A	38kA	3,050,000
HMG400E 4P (*)	250A	45kA	5,900,000
HMG400S 4P (*)	250A	65kA	6,000,000
HMG400E -F 4P	300-350-400A	45kA	5,950,000
HMG400S -F 4P	300-350-400A	65kA	6,100,000
HMG400H -F 4P	300-350-400A	85kA	6,200,000
HMG630E -F 4P	500-630	45kA	10,500,000
HMG630S -F 4P	500-630	65kA	11,000,000
HMG630H -F 4P	500-630	85kA	12,000,000
HMG800S -F 4P	700-800A	65kA	12,000,000
HMG800H -F 4P	700-800A	85kA	12,500,000

APTOMAT- MCCB 4P, Chỉnh dòng Electronic			
UCB1000S 4P	505~1000A	100kA	31,000,000
UCB1250S 4P	630~1250A	100kA	33,500,000
Phụ kiện U-MCCB			
Tiếp điểm AUX/ALT	UCB1000~1250S/L		720,000
Shunt Trip (SHT)	UCB1000~1250S/L		1,500,000
Under Voltage Trip	UCB1000~1250S/L		750,000
Motor (MOT)	UCB1000~1250S/L		9,980,000

(*) MCCB không chỉnh dòng

Mã hàng	In(A)	Icu (kA)	Đơn giá(VND)
APTOMAT- MCB (Loại thanh cài)			
Đặc tính cắt: B/C/D			
HiBD63-N (1P)	6~63A	6	62,000
HiBD63-N (2P)	6~63A	6	138,000
HiBD63-N (3P)	6~63A	6	225,000
HiBD63-N (4P)	6~63A	6	370,000
HiBD63-N (1P+N)	6~63A	6	138,000
HiBD63-N (3P+N)	6~63A	6	370,000
HiBD63h (1P)	6~63A	10	95,000
HiBD63h (2P)	6~63A	10	210,000
HiBD63h (3P)	6~63A	10	340,000
HiBD125 (1P)	63~125A	10	175,000
HiBD125 (2P)	63~125A	10	380,000
HiBD125 (3P)	63~125A	10	610,000
HiBD125 (4P)	63~125A	10	990,000

APTOMAT RCBO (dòng dò 10/ 30/ 100/ 300/ 500mA)			
HiRO40 (1P+N)	10~40A	4.5	510,000

APTOMAT RCCB (dòng dò 10/ 30/ 100/ 300/ 500mA)			
HiRC63 2PG	16 -25 -32 -40 -63A		540,000
HiRC63 4PG	16 -25 -32 -40 -63A		640,000

SWITCH DISCONNECTOR			
HiSD125 1P	16 - 32 - 63A		60,000
	100 - 125A		95,000
HiSD125 2P	16 - 32 - 63A		120,000
	100 - 125A		190,000
HiSD125 3P	16 - 32 - 63A		190,000
	100 - 125A		300,000
HiSD125 4P	16 - 32 - 63A		250,000
	100 - 125A		395,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2017

Mã hàng	In(A)	C. Suất	Đơn giá (VNĐ)
CONTACTOR (AC Magnetic Contactor, 380VAC, 50Hz)			
HGC9 11NS X ---	9A(1a1b)	4KW	275,000
HGC12 11NS X ---	12A(1a1b)	5.5KW	290,000
HGC18 11NS X ---	18A(1a1b)	7.5KW	400,000
HGC25 11NS X ---	25A(1a1b)	11KW	475,000
HGC32 22NS X ---	32A(2a2b)	15KW	690,000
HGC40 22NS X ---	40A(2a2b)	18.5KW	850,000
HGC50 22NS X ---	50A(2a2b)	22KW	940,000
HGC65 22NS X ---	65A(2a2b)	30KW	1,190,000
HGC75 22NS X ---	75A(2a2b)	37KW	1,500,000
HGC85 22NS X ---	85A(2a2b)	45KW	1,750,000
HGC100 22NS X ---	100A(2a2b)	55KW	2,150,000
CONTACTOR (AC/DC Magnetic Contactor)			
HGC115 22NS F ---	115A(2a2b)	60KW	2,700,000
HGC130 22NS F ---	130A(2a2b)	65KW	2,750,000
HGC150 22NS F ---	150A(2a2b)	75KW	3,500,000
HGC185 22NS F ---	185A(2a2b)	90KW	4,600,000
HGC225 22NS F ---	225A(2a2b)	132KW	5,300,000
HGC265 22NS F ---	265A(2a2b)	147KW	7,700,000
HGC300 22NS F ---	300A(2a2b)	160KW	8,000,000
HGC400 22NS F ---	400A(2a2b)	220KW	9,100,000
HGC500 22NS F ---	500A(2a2b)	250KW	16,150,000
HGC630 22NS F ---	630A(2a2b)	330KW	19,200,000
HGC800 22NS F ---	800A(2a2b)	400KW	24,250,000

RƠ LE NHIỆT	Dãi Dòng	Đơn giá (VNĐ)
HGT18K (cho HGC9 ~ 18)	0.12 - 0.18A, 0.18 - 0.26A, 0.25 - 0.35A, 0.34 - 0.5A, 0.5 - 0.7A, 0.6 - 0.9A, 0.8 - 1.2A, 1.1 - 1.6A, 1.5 - 2.1A, 2 - 3A, 2.8 - 4.2A, 3 - 5A, 4 - 6A, 5.6 - 8A, 6 - 9A, 8 - 12A, 12 - 18A	230,000
HGT40K (cho HGC25~40)	8 - 12A, 12 - 18A, 15 - 22A, 17 - 25A, 22 - 32A, 28-40A	290,000
HGT65K (cho HGC50~65)	17 - 25A, 22-32A, 28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A	590,000
HGT100K (cho HGC75~100)	28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A, 52 - 75A, 59 - 85A, 70-100A	850,000
HGT150K (cho HGC115~150)	48 - 80A, 69 - 115A, 78 - 130A, 90 - 150A	1,650,000
HGT265K (cho HGC185~265)	90 - 150A, 111 - 185A, 135 - 225A, 159 - 265A	2,200,000
HGT500K (cho HGC300~500)	159 - 265A, 180 - 300A, 240 - 400A, 300-500A	3,200,000
HGT800K (cho HGC630, 800)	378 - 630A, 480 - 800A	6,250,000

CAPACITOR SWITCHING UNIT (Phụ kiện Contactor khi sử dụng cho đóng cắt tụ bù)		
HGCCU40 10N (1NO)	dùng cho HGC9 ~ 40	390,000
HGCCU40 01N (1NC)		390,000
HGCCU100 10N (1NO)	dùng cho HGC50 ~ 100	405,000
HGCCU100 01N (1NC)		405,000

Mã hàng	Tiếp điểm	Đơn giá (VNĐ)
TIẾP ĐIỂM PHỤ (CÀI TRÊN)		
HGCTB--NS cho HGC9~100	2NC/ 1NO+1NC/ 2NC	88,000
	4NO/3NO+1NC/2NO+2NC/ 1NO+3NC/4NC	150,000
TIẾP ĐIỂM PHỤ (CÀI CẠNH)		
HGCSB 40	1NO+1NC, dùng cho HGC9 ~ 40	85,000
HGCSB 100	1NO+1NC, dùng cho HGC50 ~ 100	120,000
HGCSB 800	1NO+1NC, dùng cho HGC115 ~ 800	160,000
KHÓA LIÊN ĐỘNG		
HGCIU40	HGC9 ~ 40	160,000
HGCIU100	HGC50 ~ 100	165,000
HGCIU265	HGC115 ~ 265	300,000
HGCIU800	HGC300 ~ 800	1,200,000

CONTROL RELAY (4b/ 1a3b/ 2a2b/ 3a1b/ 4a)		
HGR--XS X220	AC220V	430,000
HGR--TS D110	DC110V	540,000

CUỘN HÚT CONTACTOR (AC220V 50Hz)		
HGCOL18 X---	HGC9 ~ 18	138,000
HGCOL40 X---	HGC25 ~ 40	138,000
HGCOL65 X---	HGC50 ~ 65	196,000
HGCOL100 X---	HGC75 ~ 100	220,000
HGCOL150 F---	AC/DC220V, dùng cho HGC115 ~ 150	1,150,000
HGCOL265 F---	AC/DC220V, dùng cho HGC185 ~ 265	1,480,000
HGCOL500 F---	AC/DC220V, dùng cho HGC300 ~ 500	2,620,000
HGCOL800 F---	AC/DC220V, dùng cho HGC630, 800	3,520,000

CUỘN HÚT CONTACTOR (DC)		
HGCOL18 D---	HGC9 ~ 18	210,000
HGCOL40 D---	HGC25 ~ 40	220,000
HGCOL65 D---	HGC50 ~ 65	230,000
HGCOL100 D---	HGC75 ~ 100	260,000

CONTACTOR (DC COIL)		
HGC9 11NSD	9A(1a1b)	450,000
HGC12 11NSD	12A(1a1b)	475,000
HGC18 11NSD	18A(1a1b)	560,000
HGC25 11NSD	25A(1a1b)	575,000
HGC32 11NSD	32A(1a1b)	750,000
HGC40 21NSD	40A(2a1b)	950,000
HGC50 21NSD	50A(2a1b)	1,050,000
HGC65 21NSD	65A(2a1b)	1,350,000
HGC75 21NSD	75A(2a1b)	1,950,000
HGC85 21NSD	85A(2a1b)	2,400,000
HGC100 21NSD	100A(2a1b)	2,500,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2017

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAS type, loại cố định			
UAS06A 3H M2C2S250T	630A	65	42,000,000
UAS08A 3H M2C2S250H	800A	65	42,500,000
UAS10A 3H M2C2S250J	1000A	65	44,000,000
UAS12A 3H M2C2S250K	1250A	65	46,000,000
UAS16A 3H M2C2S250L	1600A	65	48,000,000
UAS20B 3H M2C2S250M	2000A	85	60,000,000
UAS25B 3H M2C2S250N	2500A	85	66,000,000
UAS32B 3H M2C2S250P	3200A	85	76,500,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAN type, loại cố định			
UAN06A 3H M2C2S250T	630A	85	46,500,000
UAN08A 3H M2C2S250H	800A	85	47,000,000
UAN10A 3H M2C2S250J	1000A	85	48,000,000
UAN12A 3H M2C2S250K	1250A	85	50,000,000
UAN16A 3H M2C2S250L	1600A	85	52,000,000
UAN20A 3V M2C2S250M	2000A	85	57,000,000
UAN20B 3H M2C2S250M	2000A	100	65,000,000
UAN25B 3H M2C2S250N	2500A	100	75,000,000
UAN32B 3H M2C2S250P	3200A	100	95,000,000
UAN40B 3H M2C2S250Q	4000A	100	101,000,000
UAN40C 3H M2C2S250Q	4000A	100	130,000,000
UAN50C 3H M2C2S250S	5000A	100	144,000,000
UAN63D 3V M2C2S250X	6300A	150	215,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ -ACB 4P UAS type, loại cố định			
UAS06A 4H M2C2S250T	630A	65	49,000,000
UAS08A 4H M2C2S250H	800A	65	49,500,000
UAS10A 4H M2C2S250J	1000A	65	50,000,000
UAS12A 4H M2C2S250K	1250A	65	53,000,000
UAS16A 4H M2C2S250L	1600A	65	54,000,000
UAS20B 4H M2C2S250M	2000A	85	68,000,000
UAS25B 4H M2C2S250N	2500A	85	72,000,000
UAS32B 4H M2C2S250P	3200A	85	81,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAN type, loại cố định			
UAN06A 4H M2C2S250T	630A	85	54,000,000
UAN08A 4H M2C2S250H	800A	85	54,500,000
UAN10A 4H M2C2S250J	1000A	85	55,000,000
UAN12A 4H M2C2S250K	1250A	85	58,000,000
UAN16A 4H M2C2S250L	1600A	85	60,000,000
UAN20A 4V M2C2S250M	2000A	85	65,000,000
UAN20B 4H M2C2S250M	2000A	100	77,000,000
UAN25B 4H M2C2S250N	2500A	100	90,000,000
UAN32B 4H M2C2S250P	3200A	100	112,000,000
UAN40C 4H M2C2S250Q	4000A	100	165,000,000
UAN50C 4H M2C2S250S	5000A	100	188,000,000

Phụ kiện ACB: Bộ bảo vệ thấp áp (UANS V_)	
UVT Coil	1,250,000
UVT Time Delay Controller	2,990,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAS type, loại ngăn kéo			
UAS06A 3B M2C2S250T	630A	65	56,500,000
UAS08A 3B M2C2S250H	800A	65	58,000,000
UAS10A 3B M2C2S250J	1000A	65	59,000,000
UAS12A 3B M2C2S250K	1250A	65	63,500,000
UAS16A 3B M2C2S250L	1600A	65	66,000,000
UAS20B 3B M2C2S250M	2000A	85	78,000,000
UAS25B 3B M2C2S250N	2500A	85	86,000,000
UAS32B 3B M2C2S250P	3200A	85	96,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAN type, loại ngăn kéo			
UAN06A 3B M2C2S250T	630A	85	63,000,000
UAN08A 3B M2C2S250H	800A	85	64,000,000
UAN10A 3B M2C2S250J	1000A	85	66,000,000
UAN12A 3B M2C2S250K	1250A	85	71,000,000
UAN16A 3B M2C2S250L	1600A	85	74,000,000
UAN20A 3B M2C2S250M	2000A	85	79,000,000
UAN20B 3B M2C2S250M	2000A	100	89,000,000
UAN25B 3B M2C2S250N	2500A	100	96,800,000
UAN32B 3B M2C2S250P	3200A	100	129,000,000
UAN40B 3B M2C2S250Q	4000A	100	131,000,000
UAN40C 3B M2C2S250Q	4000A	100	160,000,000
UAN50C 3B M2C2S250S	5000A	100	168,000,000
UAN63D 3B M2C2S250X	6300A	150	(**)

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAS type, loại ngăn kéo			
UAS06A 4B M2C2S250T	630A	65	68,000,000
UAS08A 4B M2C2S250H	800A	65	69,500,000
UAS10A 4B M2C2S250J	1000A	65	70,500,000
UAS12A 4B M2C2S250K	1250A	65	76,000,000
UAS16A 4B M2C2S250L	1600A	65	78,500,000
UAS20B 4B M2C2S250M	2000A	85	93,000,000
UAS25B 4B M2C2S250N	2500A	85	99,000,000
UAS32B 4B M2C2S250P	3200A	85	108,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAN type, loại ngăn kéo			
UAN06A 4B M2C2S250T	630A	85	74,000,000
UAN08A 4B M2C2S250H	800A	85	76,000,000
UAN10A 4B M2C2S250J	1000A	85	78,000,000
UAN12A 4B M2C2S250K	1250A	85	81,000,000
UAN16A 4B M2C2S250L	1600A	85	85,000,000
UAN20A 4B M2C2S250M	2000A	85	93,000,000
UAN20B 4B M2C2S250M	2000A	100	103,000,000
UAN25B 4B M2C2S250N	2500A	100	112,800,000
UAN32B 4B M2C2S250P	3200A	100	140,000,000
UAN40C 4B M2C2S250Q	4000A	100	205,000,000
UAN50C 4B M2C2S250S	5000A	100	245,000,000

Phụ kiện ACB: Khóa liên động -MI (UANS _)	
Liên động 2 ACB (cho A, B frame)	18,000,000
Liên động 3 ACB (cho A, B frame)	30,000,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2017

Thông số				Mã hàng	Đơn giá (VND)
HVG Fixed series (Only VCB Body)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AXA444A	54,385,000
	12.5kA	630A		HVG1011AXA444A	58,652,000
	20kA	630A		HVG1131BXA444A	77,493,000
		1250A		HVG1132BXA444A	79,016,000
	25kA	630A		HVG1141BXA444A	77,524,000
1250A		HVG1142BXA444A	80,969,000		
HVG Draw-Out series With E Cradle (without Shutter & Bushing)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AES444A	64,451,000
	12.5kA	630A		HVG1011AES444A	70,293,000
	20kA	630A		HVG1131BES444A	89,064,000
		1250A		HVG1132BES444A	93,553,000
	25kA	630A		HVG1141BES444A	92,553,000
1250A		HVG1142BES444A	95,987,000		
HVG Draw-Out series With F Cradle (with Shutter & Without Bushing)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AFS444A	72,200,000
	12.5kA	630A		HVG1011AFS444A	76,051,000
	20kA	630A		HVG1131BFS444A	95,727,000
		1250A		HVG1132BFS444A	97,500,000
	25kA	630A		HVG1141BFS444A	96,087,000
1250A		HVG1142BFS444A	100,824,000		
HVG Draw-Out series With G Cradle (with Shutter & Bushing)					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AGS444A	87,618,000
	12.5kA	630A		HVG1011AGS444A	89,549,000
	20kA	630A		HVG1131BGS444A	116,556,000
		1250A		HVG1132BGS444A	129,053,000
	25kA	630A		HVG1141BGS444A	124,025,000
1250A		HVG1142BGS444A	132,884,000		
HVF Fixed series (Only VCB Body)					
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142IXA444C	250,338,000
		2000A		HVF7144IXA444C	253,775,000
	31.5kA	1250A		HVF7052IXA444C	280,006,000
		2000A		HVF7054IXA444C	313,273,000
		3150A		HVF7057IXA444C	348,379,000
HVF Draw-Out series With G Cradle (with Shutter & Bushing)					
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142IGS444C	513,451,000
		2000A		HVF7144IGS444C	527,967,000
	31.5kA	1250A		HVF7052IGS444C	591,598,000
		2000A		HVF7054IGS444C	681,500,000
		3150A		HVF7057IGS444C	894,715,000
HGV Fixed series (Only VCB Body)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CXA444C	111,739,000
		1250A		HGV1142CXA444C	112,312,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FXA444C	124,919,000
		1250A		HGV6142FXA444C	125,492,000
		2000A		HGV6144FXA444C	148,413,000
HGV Draw-out series With E Cradle (without Shutter & Bushing)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CES444C	137,525,000
		1250A		HGV1142CES444C	143,255,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FES444C	172,480,000
		1250A		HGV6142FES444C	173,339,000
		2000A		HGV6144FES444C	207,434,000
HGV Draw-out series with F Cradle (with Shutter & without Bushing)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CFS444C	148,126,000
		1250A		HGV1142CFS444C	154,716,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FFS444C	179,585,000
		1250A		HGV6142FFS444C	183,252,000
		2000A		HGV6144FFS444C	252,015,000
HGV Draw-out series With G Cradle (with Shutter & Bushing)					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141FGS444C	223,479,000
		1250A		HGV1142FGS444C	226,344,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FGS444C	226,344,000
		1250A		HGV6142FGS444C	237,804,000
		2000A		HGV6144FGS444C	269,951,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2017

Mã hàng	Thông số	Đơn giá (VND)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Continuously Energized, Fixed type		
UVC32CX1000000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	30,136,000
UVC62CX1000000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	31,012,000
UVC32CA1006000HCM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	35,751,000
UVC62CA1006000HCM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	36,782,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Continuously Energized, Draw-out type		
UVC32CB1F10000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	41,469,000
UVC62CB1F10000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	42,345,000
UVC32CD1F16000CM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	48,991,000
UVC62CD1F16000CM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	50,021,000
HCA32CB4M10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	92,108,000
HCA62CB4M10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	93,190,000
HCA32CD4M16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	100,917,000
HCA62CD4M16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	102,051,000
HCA32CB4T10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	142,747,000
HCA62CB4T10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	143,520,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Continuously Energized, Fixed type		
UVC34CX1000000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	29,467,000
UVC64CX1000000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	30,342,000
UVC34CA1006000HCM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	36,782,000
UVC64CA1006000HCM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	37,915,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Continuously Energized, Draw-out type		
UVC34CB1F10000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	42,706,000
UVC64CB1F10000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	43,633,000
UVC34CD1F16000CM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	50,433,000
UVC64CD1F16000CM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	51,566,000
HCA34CB4M10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	94,890,000
HCA64CB4M10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	95,972,000
HCA34CD4M16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	103,957,000
HCA64CD4M16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	105,141,000
HCA34CB4T10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	147,023,000
HCA64CB4T10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	147,847,000
HCA34CD4T16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	159,500,000
HCA64CD4T16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	161,500,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 15/06/2017

Mã hàng	Thông số	Đơn giá (VNĐ)
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Latched, Fixed type		
UVC32LX100000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	31,012,000
UVC62LX100000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	32,763,000
UVC32LA1006000HCM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	37,554,000
UVC62LA1006000HCM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	38,636,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Latched, Draw-out type		
UVC32LB1F10000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	43,581,000
UVC62LB1F10000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	44,509,000
UVC32LD1F16000CM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	51,463,000
UVC62LD1F16000CM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	52,545,000
HCA32LB4M10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	96,693,000
HCA62LB4M10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	97,878,000
HCA32LD4M16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	105,966,000
HCA62LD4M16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	107,202,000
HCA32LB4T10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	149,908,000
HCA62LB4T10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	150,732,000
HCA32LD4T16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	163,500,000
HCA62LD4T16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	165,000,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Latched, Fixed type		
UVC34LX100000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	30,909,000
UVC64LX100000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	31,836,000
UVC34LA1006000HCM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	38,636,000
UVC64LA1006000HCM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	39,821,000
Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Latched, Draw-out type		
UVC34LB1F10000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	44,818,000
UVC64LB1F10000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	45,797,000
UVC34LD1F16000CM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	52,957,000
UVC64LD1F16000CM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	54,090,000
HCA34LB4M10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	99,629,000
HCA64LB4M10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	100,814,000
HCA34LD4M16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	109,160,000
HCA64LD4M16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	110,345,000
HCA34LB4T10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	154,441,000
HCA64LB4T10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	155,265,000
HCA34LD4T16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	168,000,000
HCA64LD4T16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	169,500,000